

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ~~7808~~ /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2023

V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư
sửa đổi, bổ sung Thông tư
184/2015/TT-BTC

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Thực hiện kế hoạch xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 10/11/2015 của Bộ Tài chính quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Bộ Tài chính đã xây dựng Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 184/2015/TT-BTC.

Để đảm bảo Thông tư xây dựng theo đúng trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý Bộ, Cơ quan đơn vị nghiên cứu và có ý kiến tham gia đối với nội dung dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung.

Ý kiến tham gia đề nghị Quý Bộ, Cơ quan đơn vị gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) trước ngày **15/8/2023**. Bản mềm gửi vào địa chỉ yendt4@customs.gov.vn. Đầu mối liên hệ: đồng chí Dương Thị Yến, tel: 04.39440833 (máy lẻ 8541) / 0979.846.399.

Quá thời hạn nêu trên, nếu Bộ Tài chính chưa nhận được ý kiến tham gia của Quý Bộ, cơ quan thì được coi là nhất trí với nội dung dự thảo Thông tư./.

(Gửi kèm dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung)

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ (để xin ý kiến);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để xin ý kiến);
- Lưu: VT, TCHQ (8b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Đức Chi

Số: /2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/06/2010 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 6 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp thuế, người khai hải quan (sau đây gọi chung là người nộp thuế) theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế, ~~Điều 2 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2013/NĐ-CP);~~ khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu thuế theo quy định tại ~~Điều 3~~ **Điều 39** Nghị định số 83/2013/NĐ-CP **126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;**

đ) ~~Ngân hàng bao gồm: Ngân hàng thương mại, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, các tổ chức tín dụng khác thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là ngân hàng) được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xác nhận là ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoạt động tại Việt Nam có liên quan đến việc thu nộp tiền thuế và phát hành bảo lãnh tiền thuế điện tử; thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.”~~

2. Khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cổng thanh toán điện tử Hải quan”: là hệ thống kết nối, trao đổi, đối chiếu và cung cấp thông tin điện tử để phục vụ công tác thu nộp tiền thuế, phí, lệ phí, bảo lãnh thuế điện tử giữa cơ quan hải quan, cơ quan Kho bạc Nhà nước,

các ngân hàng, *tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức liên quan đến thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và các cơ quan quản lý thực hiện kết nối qua một cửa quốc gia.*”

3. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Chứng từ nộp ngân sách nhà nước, trình tự đối với trường hợp nộp ngân sách nhà nước theo phương thức điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước”.

4. Bổ sung Điều 8a như sau:

“Điều 8a. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và tổ chức liên quan đến thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tham gia trao đổi thông tin thu ngân sách nhà nước với cơ quan hải quan

1. Tổ chức đáp ứng điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Điều 3 Nghị định 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

2. Có văn bản về tham gia phối hợp trao đổi thông tin thu ngân sách nhà nước trong đó nêu rõ giải pháp trao đổi thông tin thu nộp ngân sách nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu: 01 bản chính (theo mẫu 01/CVDN-TGTT); xác nhận của Ngân hàng Nhà nước về việc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: 01 bản chính.

3. Trình tự thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Thông tư này; Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo với tổ chức đủ điều kiện tham gia phối hợp thu.

4. Công thanh toán điện tử hải quan kết nối trực tiếp với hệ thống tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

5. Thông tin thu nộp NSNN của tổ chức tham gia phối hợp thu thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 Thông tư này.

6. Đảm bảo khả năng thanh toán theo quy định tại Điều 8 Thông tư 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 23/2019/TT-NHNN ngày 22/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước.”

5. Khoản 4 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Phối hợp với ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, *tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán*, cơ quan hải quan xử lý sai sót khi chuyển tiền nộp thuế, *tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác* hoặc bảo lãnh thuế điện tử.”

6. Khoản 10 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“10. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng ủy nhiệm thu, *tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán*, cơ quan hải quan và *cơ quan quản lý* xử lý sai sót khi chuyển tiền nộp thuế, *tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác* hoặc bảo lãnh thuế điện tử.”

7. Khoản 3 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Trường hợp đối chiếu có phát sinh chênh lệch số *tiền* nộp ~~tiền~~ vào ngân sách từ ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng chưa phối hợp thu, *tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán*, có trách nhiệm tra soát với cơ quan Kho bạc Nhà nước và thông báo lại cho các bên liên quan xử lý kịp thời tiền vào ngân sách.”

8. Bổ sung Điều 13a như sau:

“Điều 13a. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. *Cung cấp các dịch vụ thu, nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác để người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp ngân sách nhà nước và bằng phương thức điện tử.*

2. *Hướng dẫn người nộp thuế kê khai nộp tiền vào NSNN theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ.*

Trường hợp người nộp thuế, nộp phí, lệ phí cho nhiều tờ khai, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hướng dẫn người nộp thuế lập bảng kê danh sách các tờ khai nộp phí, lệ phí hải quan đính kèm bảng kê nộp thuế hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

3. *Bảo mật thông tin của người nộp thuế khi đã truy xuất từ Cổng thanh toán điện tử hải quan theo đúng quy định của pháp luật về bảo mật thông tin và văn bản thỏa thuận hợp tác đã ký giữa các bên.*

4. *Truyền thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, thông tin thư bảo lãnh thuế hoặc giấy nộp tiền vào tài khoản thu phí, trong trường hợp thu nộp phí, cho các cơ quan quản lý qua Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định tại Điều 17, Điều 22, Điều 23 của Thông tư này.*

5. Chuyển tiền thanh toán và hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu theo đúng quy định.

6. Cập nhật và truyền đầy đủ, chính xác thông tin trên chứng từ chuyển tiền cho ngân hàng ủy nhiệm thu.

7. Chịu trách nhiệm đến cùng về thông tin số tiền đã thu truyền sang Cổng thanh toán điện tử hải quan, số tiền thuế đã bảo lãnh của tờ khai được bảo lãnh thuế, đến khi hạch toán vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước.

8. Chỉ sử dụng thông tin do Tổng cục Hải quan cung cấp vào mục đích thu nộp tiền thuế, bảo lãnh tiền thuế, thanh toán quốc tế không sử dụng vào mục đích khác.

9. Không được hủy lệnh chuyển tiền khi thông tin nộp tiền đã được Cổng thanh toán điện tử hải quan xác nhận thành công nếu chưa có xác nhận đồng ý của cơ quan hải quan. Trường hợp có sai sót thì xử lý theo trình tự tại Điều 25a Thông tư này.

10. Phối hợp với ngân hàng ủy nhiệm thu, cơ quan hải quan và cơ quan quản lý xử lý sai sót trong quá trình thực hiện.”

9. Bổ sung khoản 16 Điều 14 như sau:

“16. Cung cấp đầy đủ các thông tin quy định tại Khoản 1,2,3,4,5,6 Điều này cho các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và phối hợp xử lý sai sót trong quá trình thực hiện.”

10. Bổ sung Điều 17a như sau:

“Điều 17a. Thu, nộp ngân sách nhà nước qua tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. Trường hợp người nộp thuế sử dụng chương trình thu nộp tiền thuế ngân sách nhà nước của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Cổng thanh toán điện tử hải quan để nộp tiền hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp thuế.

Trường hợp tiền thuế phải nộp vào tài khoản thu khác nhau, thì lập riêng bảng kê nộp thuế tương ứng với từng tài khoản thu.

2. Hệ thống của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan và thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp thông tin phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: trích tiền của người nộp thuế để chuyển nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Trường hợp thông tin chưa phù hợp hoặc không có trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: chưa phù hợp các thông tin liên quan (trừ thông tin về số tiền), thông báo cho người nộp thuế để kiểm tra lại thông tin trên tờ khai nộp thuế và phản hồi để xử lý chuyển nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Cơ quan hải quan sử dụng hệ thống điện tử tự động để kiểm tra thông tin do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 17.

4. Trường hợp hệ thống đường truyền gặp sự cố, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thông báo bằng email nội bộ cho các bên liên quan và thực hiện theo khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 24 Thông tư này.”

11. Bổ sung Điều 25a như sau:

“Điều 25a. Đối chiếu số liệu và xử lý sai sót giữa cơ quan hải quan với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. Cơ quan hải quan và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện đối chiếu toàn bộ thông tin đã gửi đến Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định tại Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 25 Thông tư này.

Trường hợp thông tin đối chiếu chưa khớp đúng hoặc không nhận được thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước do Kho bạc Nhà nước chuyển đến thì tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm làm rõ nguyên nhân chưa chuyển thông tin thu sang Kho bạc Nhà nước, giải trình với cơ quan hải quan về việc chưa chuyển thông tin thu sang Kho bạc Nhà nước, thực hiện nộp tiền thuế và tiền chậm nộp (nếu phát sinh lỗi do nguyên nhân chủ quan của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán) trên số tiền chậm chuyển theo đúng quy định của pháp luật, khắc phục hậu quả vi phạm do mình gây ra.

2. Thực hiện đối chiếu

a) Hàng ngày cơ quan hải quan kiểm tra, rà soát các khoản thu của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã truyền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, được hạch toán thanh khoản nợ đối chiếu với bảng kê thông tin giấy nộp tiền do Kho bạc Nhà nước chuyển để xác định các khoản tiền do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chậm chuyển; thông

báo cho tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán về những chứng từ không nhận được thông tin giấy nộp tiền từ Kho bạc Nhà nước.

b) Phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kiểm tra giấy nộp tiền do doanh nghiệp xuất trình khi hệ thống các bên gặp sự cố;

c) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp với các Cục, Chi cục Hải quan liên quan xử lý chậm chuyển tiền vào ngân sách nhà nước;

d) Các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán vi phạm thời gian chuyển tiền theo quy định, cơ quan hải quan đã có văn bản thông báo nhưng không khắc phục thì Tổng cục Hải quan chính thức thông báo dừng việc phối hợp thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc xử lý sai sót thực hiện theo Khoản 1 Điều 27 Thông tư này.”

12. Bổ sung khoản 9 Điều 27 như sau:

“9. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

a) Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã chuyển tiền và chuyển thông tin nộp ngân sách nhà nước sang ngân hàng ủy nhiệm thu/Kho bạc Nhà nước, đồng thời chuyển thông tin nộp tiền sang Cổng thanh toán hải quan và được hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, nếu phát hiện ra sai sót thì tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán lập thư tra soát gửi cơ quan hải quan nơi mở tờ khai xác nhận thông tin thu ngân sách, đồng thời gửi ngân hàng ủy nhiệm thu/Kho bạc Nhà nước để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót đảm bảo không ảnh hưởng đến xử lý nợ của lô hàng đã được thông quan;

b) Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế.

Có văn bản đề nghị xác nhận khoản tiền chuyển thừa gửi Kho bạc Nhà nước và cơ quan hải quan nơi mở tờ khai để xác nhận khoản tiền đã chuyển thừa; nguyên tắc thực hiện hoàn trả theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều này.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung cụm từ tại Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Thay thế cụm từ “phí, lệ phí hải quan” thành “phí hải quan, lệ phí hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh”.

2. Thay thế cụm từ “lệ phí hải quan” thành “phí hải quan”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cửa Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (...b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**